TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15-7- 2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đẹp

Bà Trương Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2022 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lý Ngọc T, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 08/5 đường Đ, khu phố 1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trương Đại C, sinh năm 1967; quốc tịch: Canada. Nơi cư trú: 4245 rue Canada; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lý Ngọc T trình bày:

Bà T và ông C sau thời gian quen biết và tìm hiểu đến ngày 05/6/2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 72/2012. Sau khi kết hôn, bà T sống tại số 08/5 đường Đ, khu phố 1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương còn ông C sống ở nước ngoài, ít về Việt Nam thăm bà T nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T làm đơn khởi kiện ly hôn ông Trương Đại C.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung thì giữa bà T và ông Trương Đại C không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, yêu cầu được giải quyết vắng mặt ngày 22/02/2022 ông Trương Đại C gửi Tòa án án nhân dân tỉnh Bình Dương (chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự), bị đơn ông Trương Đại C trình bày: Ông C thống nhất với lời trình bày bà T về quan hệ hôn nhân, con chung. Trước yêu cầu ly hôn của bà T thì ông C đồng ý ly hôn. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bà T và ông Trương Đại C đều có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Bà T yêu cầu ly hôn và ông Trương Đại C cũng đồng ý ly hôn, đây là sự tự nguyện thỏa thuận ly hôn của ông C và bà T, phù hợp Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lý Ngọc T và ông Trương Đại C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều: 228, 238, 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lý Ngọc T và ông Trương Đại C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2012 ngày 05 tháng 6 năm 2012. Bà T hiện đang sinh sống tại số 08/5 đường Đ, khu phố 1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Ông Trương Đại C đang sống và làm việc tại 4245 rue D'hérelle Montrésal (Québec), Canada. Do đó, theo quy định tại các Điều: 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình và các Điều: 28, 37, 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

[3] Về nội dung: Bà T và ông C sau thời gian quen biết và tìm hiểu đến ngày 05/6/2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2012. Sau khi kết hôn, bà T sống tại số 08/5 đường Đ, khu phố 1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương còn ông C sống ở

nước ngoài, ít về Việt Nam thăm bà T nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T làm đơn khởi kiện ly hôn ông Trương Đại C. Xét, yêu cầu ly hôn của bà T thấy rằng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau…"*; ông Trương Đại C đang sinh sống và làm việc tại Canada, còn bà T ở Việt Nam, do đó, cả hai không có điều kiện quan tâm, chăm sóc nhau, vợ chồng không có con chung cũng vì vậy phát sinh mâu thuẫn và không thể hàn gắn tình cảm được, mục đích hôn nhân giữa bà T và ông C không đạt được, vì quyền lợi chung của hai bên nên cần phải chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông C, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà Lý Ngọc T và ông Trương Đại C không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp pháp luật.

[7] Về án phí: Các đương sự phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 51, 55, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ các Điều: 28, 37, 40, 147, 161, 228, 238, 266, 271, 273, 477, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Ngọc T đối với ông Trương Đại C về việc tranh chấp ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Ngọc T được ly hôn ông Trương Đại C.

- Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Bà Lý Ngọc T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Lý Ngọc T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000171, ngày 10/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Bà Lý Ngọc T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông Trương Đại C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Gia đình và Người chưa thành niên.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Mỹ Hương